

QUY ĐỊNH
về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ
thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng quy định thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng;

Căn cứ Quy định số 85-QĐ/TW, ngày 23/5/2017 của Bộ Chính trị quy định về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý;

Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Căn cứ Quy định số 1210-QĐ/TU, ngày 13/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng

Quy định này quy định về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Điều 2. Mục đích

Kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản nhằm bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Đảng, Nhà nước về kê khai tài sản; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các khuyết điểm, vi phạm trong việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; góp phần phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng.

Điều 3. Nguyên tắc

1- Công tác kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy.

2- Kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản phải thực hiện đúng các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát.

3- Mọi vi phạm trong việc kê khai tài sản phải được xem xét, xử lý theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

KIỂM TRA, GIÁM SÁT VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN

Điều 4. Chủ thể kiểm tra

- 1- Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- 2- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Điều 5. Chủ thể giám sát

- 1- Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- 2- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.
- 3- Chi bộ nơi cán bộ đang sinh hoạt.

Điều 6. Đối tượng kiểm tra, giám sát

Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền của chủ thể kiểm tra

1- Ban hành quyết định, kế hoạch và các văn bản thuộc thẩm quyền để thực hiện kiểm tra việc kê khai tài sản.

2- Yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp thông tin, báo cáo, giải trình về việc kê khai tài sản, biến động tài sản và giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm.

3- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản, thu nhập của cán bộ được kiểm tra.

4- Xác minh, kết luận về sự trung thực, đầy đủ, rõ ràng, kịp thời của việc kê khai tài sản và biến động tài sản phải kê khai; tính xác thực, hợp pháp về nguồn gốc của tài sản tăng thêm.

5- Xử lý hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý các hành vi vi phạm trong việc kê khai tài sản của cán bộ theo quy định.

6- Thực hiện trách nhiệm và các quyền khác của chủ thể kiểm tra theo quy định của Đảng.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền của chủ thể giám sát

1- Ban hành quyết định, kế hoạch và các văn bản thuộc thẩm quyền để thực hiện giám sát việc kê khai tài sản theo quy định.

2- Yêu cầu đối tượng giám sát cung cấp thông tin, báo cáo, giải trình về việc kê khai tài sản, biến động tài sản và nguồn gốc của tài sản tăng thêm.

3- Xử lý hoặc báo cáo kết quả giám sát; kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý theo quy định.

4- Thực hiện trách nhiệm và các quyền khác của chủ thể giám sát theo quy định của Đảng.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền của đối tượng kiểm tra, giám sát

1- Báo cáo đầy đủ, trung thực, kịp thời về việc kê khai tài sản theo yêu cầu của chủ thể kiểm tra, giám sát.

2- Giải trình, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc kê khai tài sản, biến động tài sản và nguồn gốc của tài sản tăng thêm.

3- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và các quyết định xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền.

4- Được chủ thể kiểm tra, giám sát thông báo về quyết định, kế hoạch thực hiện kiểm tra, giám sát.

5- Được thảo luận, trình bày ý kiến và bảo lưu ý kiến; từ chối trả lời, cung cấp thông tin, tài liệu không thuộc phạm vi chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của mình hoặc không liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát.

6- Thực hiện trách nhiệm và các quyền khác của đối tượng kiểm tra, giám sát theo quy định của Đảng.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền của tổ chức, cá nhân có liên quan

1- Thực hiện nghiêm túc các đề nghị, yêu cầu của chủ thể kiểm tra, giám sát thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

2- Cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, trung thực và chịu trách nhiệm về những thông tin, tài liệu có liên quan. Không tiết lộ, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát cho tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm biết.

3- Thực hiện trách nhiệm và các quyền khác theo đúng các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát.

Điều 11. Căn cứ kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản

1- Khi có kế hoạch, yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

2- Khi có kiến nghị, phản ánh, tố cáo có căn cứ về việc kê khai tài sản không trung thực.

3- Khi cán bộ có dấu hiệu vi phạm quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai tài sản.

Điều 12. Nội dung kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản

1- Việc thực hiện các quy định về kê khai tài sản, biến động tài sản hằng năm thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của cán bộ thuộc đối tượng kiểm tra, giám sát, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên; con đã thành niên chưa có

việc làm hoặc công việc thu nhập thấp, chưa ổn định nhưng có tài sản lớn hoặc bất thường.

2- Việc giải trình về biến động tài sản và nguồn gốc của tài sản tăng thêm.

Điều 13. Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát kê khai tài sản

Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản được thực hiện theo quy định của Đảng:

1- Đối với các cuộc kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện theo Quy trình kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2- Đối với các cuộc kiểm tra, giám sát của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thực hiện theo Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Quy trình kiểm tra, giám sát của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Chương III CÁC VI PHẠM VÀ VIỆC XỬ LÝ VI PHẠM VỀ KÊ KHAI TÀI SẢN

Điều 14. Các vi phạm về kê khai tài sản

1- Các vi phạm quy định về kê khai tài sản:

a) Không kê khai, kê khai không trung thực, kê khai không đúng quy định.

b) Không giải trình, giải trình không trung thực, không đầy đủ, không kịp thời về biến động tài sản và nguồn gốc tài sản tăng thêm theo quy định và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2- Các vi phạm trong quá trình kiểm tra, giám sát về kê khai tài sản:

a) Đối với đối tượng kiểm tra, giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan: Không chấp hành yêu cầu của chủ thể kiểm tra, giám sát và có hành vi cản trở, bất hợp tác trong quá trình kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản; sửa chữa, bổ sung, giả mạo về hồ sơ, thông tin, tài liệu liên quan đến tài sản, biến động tài sản và nguồn gốc tài sản của bản thân và gia đình; gây áp lực, mua chuộc tổ chức, cá nhân đang thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản; cung cấp thông tin, tài liệu nhằm làm sai lệch kết quả giám sát, kết luận kiểm tra việc kê khai tài sản.

b) Đối với chủ thể kiểm tra, giám sát: Làm lộ thông tin về tài sản của đối tượng kiểm tra, giám sát; làm sai lệch hồ sơ kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản; nhận xét, kết luận thiếu căn cứ, không khách quan trong quá trình kiểm tra, giám sát; không chủ động xác minh hoặc không kiểm tra, giám sát kịp thời những quy định về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản.

Điều 15. Việc xử lý vi phạm về kê khai tài sản

Việc xử lý vi phạm trong việc kê khai tài sản được thực hiện theo quy định của Đảng và Nhà nước.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 16. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy định này; định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết việc thực hiện quy định, báo cáo và đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, bổ sung, sửa đổi quy định khi cần thiết.

2- Các huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy trên cơ sở quy định này ban hành quy định về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản đối với cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp mình quản lý.

3- Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quy định số 806-QĐ/TU, ngày 12/9/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Quy định này được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương,
- Vụ II, Ủy ban Kiểm tra Trung ương,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

Hoàng Văn Nghiệm